

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 (Điều chỉnh lần 1)

Thực hiện quyết định số 68/QĐ -THPT TP ngày ngày 05 tháng 06 năm 2023 của trường THPT Tân Phong;

Hôm nay, vào lúc 9h30 ngày ngày 05 tháng 06 năm 2023, tại văn phòng trường THPT Tân Phong

I/ Thành phần tham dự :

- | | |
|------------------------|-----------------|
| - Ông Trần Công Bình | Hiệu trưởng |
| - Ông Huỳnh Khoa | Phó hiệu trưởng |
| - Bà Võ Thị Mộng Trinh | Phó Hiệu trưởng |
| - Ông Nguyễn Hoàng Duy | CTCĐ |
| - Ông Phan Tấn Đạt | Trưởng ban TTND |
| - Bà Dương Hồng Hi | Kế toán |

II/ Nội dung :

Tiến hành lập biên bản về việc công khai của trường THPT Tân Phong như sau :

1. Nội dung công khai : Dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 (Điều chỉnh lần 1)
2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 05/06/2023 đến hết ngày 05/09/2023
3. Địa điểm công khai : Bảng thông báo của trường.
4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về Hiệu trưởng trường THPT Tân Phong để được giải đáp.

Biên bản lập xong lúc 9h45 cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe và thống nhất ký tên.

Chủ tịch Công Đoàn



Nguyễn Hoàng Duy

Kế toán



Dương Hồng Hi

Thanh tra nhân dân



Phan Tấn Đạt

Phó Hiệu trưởng



Võ Thị Mộng Trinh

Hiệu trưởng



Trần Công Bình

Phó Hiệu trưởng



Huỳnh Khoa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TÂN PHONG
Số: 68/QĐ -THPT TP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 (Điều chỉnh lần 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT TÂN PHONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về báo cáo công khai quản lý tài sản Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Quyết định số 1520/QĐ-SGDĐT ngày 31/05/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 (Điều chỉnh lần 1) của Trường THPT Tân Phong (theo biểu mẫu đính kèm) .

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3,

-Lưu: VT, KT (4)

HIỆU TRƯỞNG

Trần Công Bình

Số: 1520/QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (điều chỉnh lần 1)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

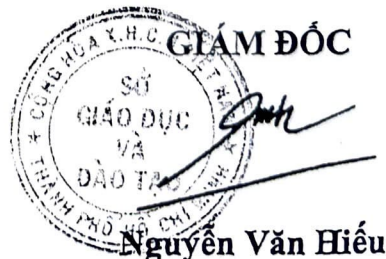
Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 (điều chỉnh lần 1) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và Trưởng phòng liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

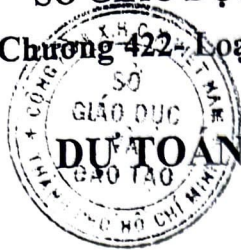
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN TP.HCM (để phối hợp);
- KBNN nơi giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC.



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu biểu số 48

Chương 422 - Loại 070 - Khoản 074



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(ĐIỀU CHỈNH LẦN 1)

Đơn vị: TRƯỜNG THPT TÂN PHONG (MS : 1038773)

Mã KBNN nơi giao dịch: KHO BẠC QUẬN 7 (MS : 0130)

(Kèm theo Quyết định số 1520/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 5 năm 2023
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0		0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.202.040	5.425.840	19.627.880
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	14.202.040	5.425.840	19.627.880
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0		0
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	0		0
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0		0
1.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	0		0
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	0		0
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0		0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.202.040	5.425.840	19.627.880
2.1	Chi từ ngân sách thành phố	9.373.040	3.321.840	12.694.880
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	Chưa tính		Chưa tính
2.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	4.829.000	2.104.000	6.933.000
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	4.829.000	2.104.000	6.933.000
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0	0	0

Ghi chú:

1. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu học phí trong năm 2023 để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
2. Kinh phí chi lương và các khoản chi phí hoạt động được bố trí trong kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên từ nguồn ngân sách thành phố (cho đến khi phương án tự chủ tài chính của đơn vị được phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập).
3. Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố và từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị năm trước chuyển sang, chỉ được dùng để chi trả kinh phí tinh giản biên chế (nếu có) theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ, Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố và chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 03 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố, **không được chi cho nội dung khác**. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung nêu trên còn thừa, đơn vị được tiếp tục quản lý và sử dụng để đảm bảo nhu cầu chi trả kinh phí tinh giản biên chế và chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.
4. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định. Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
1	Chi lương và các khoản chi phí hoạt động	5.427.000	3.256.000	8.683.000
2	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	916.787	0	916.787
3	Kinh phí vùng sâu	0	0	0
4	Hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế	5.400	0	5.400
5	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật	357.333	0	357.333
6	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	2.666.520	0	2.666.520
7	Kinh phí sinh hoạt hè	0	65.840	65.840
8	Kinh phí trợ cấp thôi việc	0	0	0
9	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND	4.829.000	2.104.000	6.933.000

Đơn vị: Trường THPT Tân Phong

Chương: 422



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2023

(Quyết định số 1520/QĐ-.SGDDT ngày 31/05/2023 của Giám đốc Sở GD&ĐT TP.HCM)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.425.840.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.425.840.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.425.840.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.425.840.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	